

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

Thị trường có phiên điều chỉnh thứ 3 liên tiếp

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL đồng loạt điều chỉnh

[Cổ phiếu tác động đến thị trường]

MSN, REE

[Vĩ mô/Chiến lược]

Xuất nhập khẩu tháng 4

[Cập nhật công ty]

NT2

Tín dụng tăng trưởng chậm lại trong nửa đầu tháng 5

[Quan điểm đầu tư]

Tránh mua đuổi, chỉ mở lại một phần trạng thái ngắn hạn trong kịch bản thị trường điều chỉnh, quay xuống vùng hỗ trợ quanh 810

15/05/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	827.03	-0.65
VN30	773.95	-0.87
HĐTL VN30F1M	766.70	-0.17
HNXIndex	109.02	-2.08
HNX30	212.50	-2.16
UPCoM	53.15	-0.62
USD/VND	23,363	+0.00
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.95	+2
Lãi suất qua đêm (%)	1.30	+5
Dầu (WTI, \$)	28.08	+1.89
Vàng (LME, \$)	1,736.45	+0.36



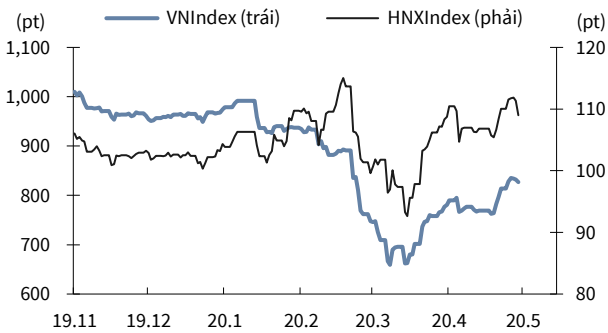
Điểm nhấn thị trường

VNIndex	827.03 (-0.65%)
KLGD (triệu CP)	258.3 (-5.7%)
GTGD (triệu US\$)	224.9 (-30.3%)
HNXIndex	109.02 (-2.08%)
KLGD (triệu CP)	72.7 (+17.2%)
GTGD (triệu US\$)	25.4 (+31.8%)
UPCoM	53.15 (-0.62%)
KLGD (triệu CP)	27.4 (+19.0%)
GTGD (triệu US\$)	8.8 (-17.1%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +3.4

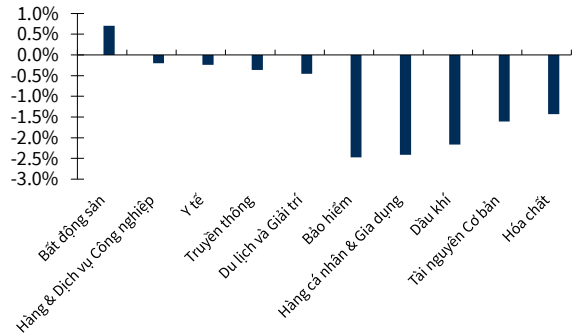
Thị trường có phiên điều chỉnh thứ 3 liên tiếp, sau khi Chính phủ công bố hạ mục tiêu tăng trưởng GDP trong năm nay. Cụ thể, tại cuộc họp Ủy ban Thường vụ Quốc hội sáng hôm nay, Chính phủ đưa ra 2 kịch bản dự báo tăng trưởng GDP với kịch bản tích cực và tiêu cực lần lượt là 4.4%-5.2% và 3.6%-4.4%, tương ứng với diễn biến dịch Covid-19 trên toàn cầu và đều thấp hơn đáng kể mức mục tiêu đưa ra vào đầu năm ở 6.8%. Thông tin về dư nợ tín dụng sụt giảm trong 2 tuần đầu tháng 5 tiếp tục khiến các cổ phiếu ngân hàng sụt giảm như BID (-2.8%), CTG (-2.1%) dẫn dắt xu hướng điều chỉnh của thị trường chung. Cổ phiếu hàng không như HVN (-1.3%), ACV (-1.4%) giảm điểm trước thông tin Chính phủ Việt Nam sẽ chưa nối lại đường bay với Hàn Quốc, theo đề xuất của đại diện doanh nghiệp Hàn Quốc, do lo ngại dịch Covid-19 tái bùng phát. Nhóm cổ phiếu dầu khí như PVD (+1%), PVS (0%) diễn biến tích cực hơn so với thị trường chung nhờ diễn biến hồi phục của giá dầu phiên ngày hôm qua. Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục có phiên mua ròng thứ 4 liên tiếp, tập trung ở FUEVFVND (+2.7%), VCB (0%), VPB (+0.9%).

VNIndex & HNXIndex



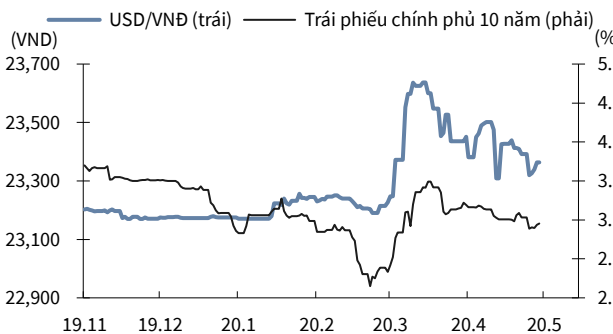
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



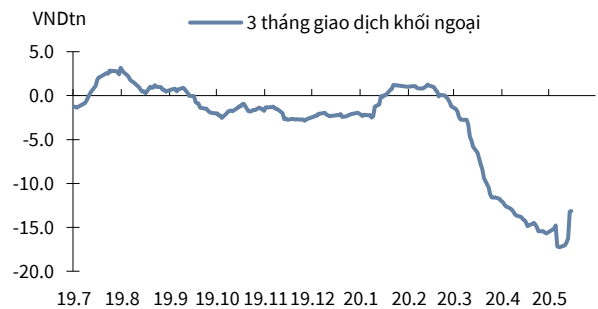
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam - Mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	773.95 (-0.87%)
VN30F1M	766.7 (-0.17%)
Mở cửa	773.0
Cao nhất	777.0
Thấp nhất	763.0
KLGD (HĐ)	188,115 (-15.6%)

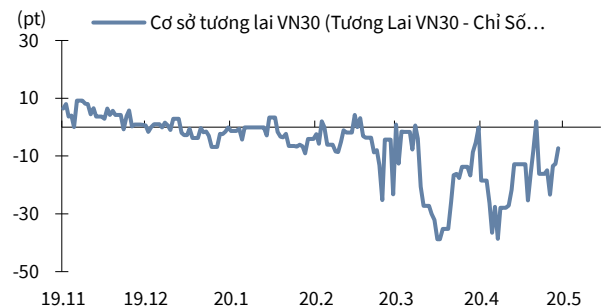
Các HĐTL đồng loạt điều chỉnh trong phiên hôm nay, tương đồng với diễn biến giảm ở chỉ số VN30 Index. Với việc F2005 giảm yếu hơn chỉ số cơ sở, chênh lệch âm ở HĐ này thu hẹp đáng kể xuống -7.3 điểm. Thanh khoản thị trường sụt giảm mạnh xuống mức thấp. Nhà đầu tư nước ngoài có phiên giao dịch với khối lượng ở mức trung bình cao, bán ròng mạnh ở F2005, trong khi mua ròng không đáng kể ở F2006.

HĐTL VN30F1M & VN30



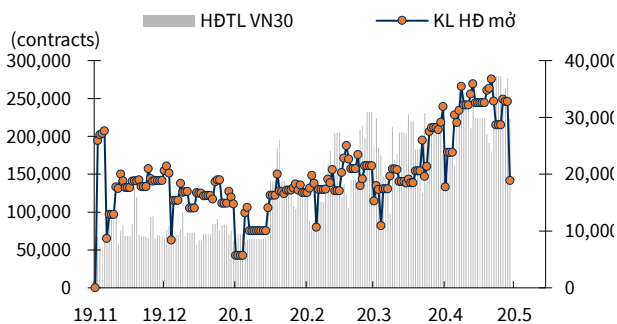
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



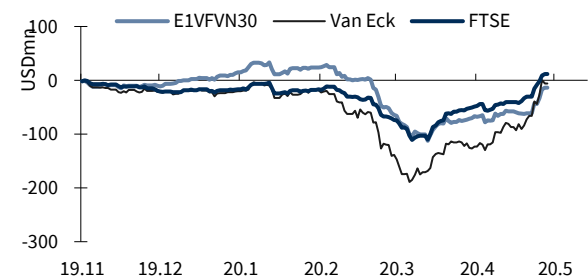
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

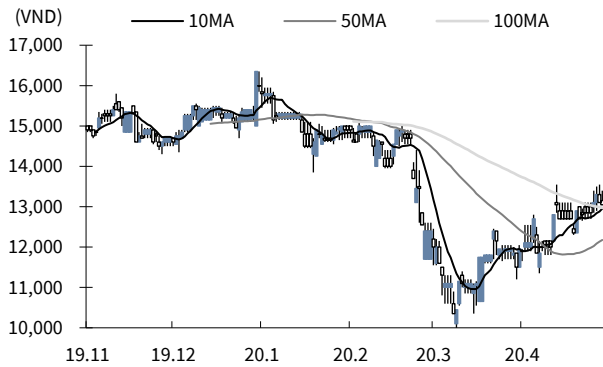
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

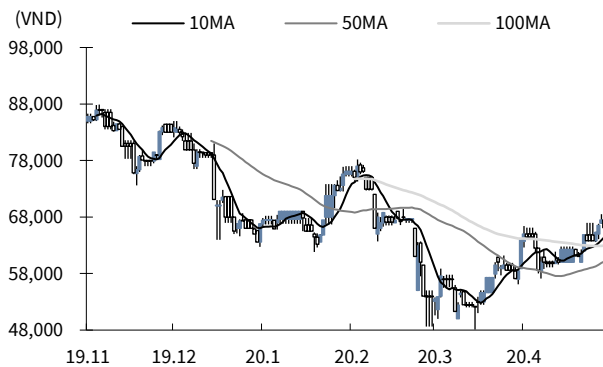
Ma San (MSN)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- MSN giảm -2.8% xuống 62,100 VNĐ/cp.
- MSN thông báo hoàn tất chào bán 30 triệu trái phiếu đợt 3 trong năm 2020, thu về tổng cộng 3,000 tỷ đồng. Trái chủ đợt này bao gồm 4 tổ chức trong nước mua 99.15% khối lượng và 1 cá nhân trong nước mua lượng còn lại.
- Trái phiếu kỳ hạn 3 năm, lãi suất thanh toán năm đầu tiên là 9.3%/năm. Với giai đoạn mỗi 6 tháng tiếp theo, lãi suất được xác định bằng 2.5%/năm cộng lãi tham chiếu (trung bình cộng của các lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng ở nhóm ngân hàng quốc doanh).
- Theo kế hoạch, MSN sẽ còn 1 đợt phát hành trái phiếu nữa, với giá trị 2,000 tỷ đồng để hoàn tất huy động 10,000 tỷ đồng trái phiếu trong năm 2020.

Cơ Điện Lạnh (REE)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- REE giảm -1.7% xuống 31,400 VNĐ/cp.
- Tại ĐHCĐ mới đây tổ chức, REE công bố kế hoạch 2020 với lợi nhuận và doanh thu lần lượt 1,620 tỷ (-1.2%) và 5,965 tỷ (+23%). Chủ tịch REE, bà Nguyễn Thị Mai Thanh, cho biết kế hoạch kinh doanh trên được xây dựng vào thời điểm cuối năm 2019 trước khi dịch Covid-19 bùng phát. Tuy nhiên, với đánh giá Covid-19 không quá ảnh hưởng và không trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty, ban lãnh đạo quyết định giữ nguyên các mục tiêu trên.

CTCP Nhơn Trạch 2 (NT2)

Tỷ lệ trả cổ tức cao và sẽ tiếp tục tăng lên sau năm 2020

Chuyên viên phân tích Điện & Thép

Lê Thành Công

congltd@kbsec.com.vn

15/05/2020

NT2 là nhà máy nhiệt điện khí hiện đại, nằm tại khu vực kinh tế trọng điểm khu vực Đông Nam Bộ

Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2: HSX) là nhà máy điện khí lớn và hiện đại bậc nhất Việt Nam với công suất 750 MW, sản lượng điện phát hàng năm đạt trên 4.5 tỉ kWh. Nhà máy được đặt tại khu vực kinh tế trọng điểm của khu vực Đông Nam Bộ và tiêu thụ điện nhiều nhất Việt Nam

Việc đưa các nguồn cung cấp khí mới vào sử dụng sẽ giúp Nhơn Trạch 2 hoạt động với hiệu suất cao hơn

PVGas sẽ đưa thêm các mỏ khí mới vào hoạt động như mỏ Thiên Ưng và Sao Vàng Đại Nguyệt, để bù đắp sự thiếu hụt sản lượng khí do các mỏ gần bờ đã được khai thác tới mức tới hạn. Đến năm 2021, dự kiến sản lượng khí sẽ đạt mức 20 triệu Sm³/ngày so với mức 15 triệu Sm³/ngày hiện tại.

Nhơn Trạch 2 sẽ trả hết nợ vay vào năm 2021. Dòng tiền cho vốn chủ sở hữu sẽ là rất lớn

Hàng năm, dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh (CFO) của Nhơn Trạch 2 đạt trên 1,500 tỉ đồng. Hiện nay, NT2 đang phải trả cả gốc lẫn lãi vay bằng ngoại tệ trị giá khoảng 1,200 tỉ đồng/năm. Đến năm 2021, khi Nhơn Trạch 2 trả hết nợ vay thì dòng tiền cho chủ sở hữu sẽ là rất lớn và ổn định, tạo điều kiện để tăng mức chi trả cổ tức cho cổ đông. Với mức giá cổ phiếu đóng cửa ngày 14/05/2020, bình quân trong vòng 5 năm trở lại đây, NT2 có mức lợi suất cổ tức tiền mặt 14.6%/năm.

Rủi ro đầu tư

(1) Rủi ro liên quan đến thời tiết; (2) Rủi ro nguồn cung nguyên liệu đầu vào không ổn định; (3) Sẽ Trung tu khoảng 18 ngày vào tháng 09/2020.

Mua Lần đầu

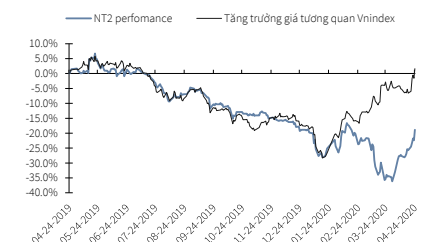
Giá mục tiêu	VND 24,800
Tăng/giảm (%)	17.5%
Giá hiện tại (May 14)	VND 21,100
Giá mục tiêu đồng thuận	VND 25,700
Vốn hóa thị trường (tỷ VND)	6,074

Dữ liệu giao dịch	
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	32.3%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	6.9/0.3
Sở hữu nước ngoài (%)	31.5%

Biến động giá cổ phiếu (%)				
	1M	3M	6M	12M
NT2	25.5%	8.4%	-6.8%	-18.8%
VNindex	17.8%	-21.7%	-21.8%	-20.5%

Dự phóng KQKD & định giá

FY-end	2017A	2018A	2019A	2020F
Doanh số thuần (tỷ VND)	6,761	7,670	7,654	7,159
Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh (tỷ VND)	852	795	767	663
LN của cổ đông của công ty mẹ (tỷ VND)	810	782	754	630
EPS (VND)	2,768	2,618	2,540	2,187
Tăng trưởng EPS (%)	-26.0%	-5.4%	-3.0%	-13.9%
P/E (x)	7.2	7.4	7.7	9.2
P/B (x)	1.2	1.6	1.4	1.4
ROE (%)	16.1%	17.4%	18.7%	15.1%



Nguồn: Fiinpro, KBSV Research

Xuất nhập khẩu tháng 4

Giảm mạnh vì Covid-19

Xuất nhập khẩu tháng 4 sụt giảm mạnh so với cùng kỳ do những tác động của Covid-19

— Theo số liệu sơ bộ từ Tổng cục Hải quan, hoạt động thương mại trong tháng 4/2020 có dấu hiệu sụt giảm mạnh hơn nhiều so với ước tính từ Tổng cục Thống kê, với kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu lần lượt đạt 17.6 tỷ USD (-14.0% YoY) và 18.5 tỷ USD (-11.8% YoY). Cán cân thương mại tháng 4 nhập siêu 0.94 tỷ USD, tính lũy kế đến hết tháng 4 là xuất siêu 3.04 tỷ USD, chủ yếu nhờ mức xuất siêu kỷ lục vào tháng 2 và tháng 3.

Kim ngạch xuất khẩu giảm tới 27.1% so với tháng trước và 14.0% so với cùng kỳ

— Xuất khẩu các mặt hàng chủ lực như điện thoại, dệt may, giày dép, gỗ đều sụt giảm mạnh, trong đó xuất khẩu khu vực FDI trong tháng 4 giảm mạnh hơn (-20.6% YoY) với mức sụt giảm trên 30% đến từ các mặt hàng nêu trên.

— Nhu cầu sụt giảm do Covid-19 khiến xuất khẩu sang các nước Châu Âu trong tháng 4 sụt giảm mạnh, cũng là tháng sụt giảm thứ 2 liên tiếp, với mức sụt giảm so với cùng kỳ của Pháp, Ý, Tây Ban Nha lần lượt 45.7%; 41.5% và 42.1%. Trong khi đó, ở thị trường Mỹ và Hàn Quốc trong tháng 4 cũng đã ghi nhận xuất khẩu có tháng sụt giảm đầu tiên do Covid-19 với mức giảm so với cùng kỳ là 7.7%.

— Điểm tích cực trong xuất khẩu tháng 4 là: (1) tăng trưởng XK ở mức cao đối với mặt hàng máy vi tính và sản phẩm điện tử, máy móc thiết bị và một số mặt hàng nông sản (hạt điều, cà phê); và (2) điểm đến đã chuyển hướng xuất khẩu sang thị trường Hồng Kong, Đài Loan, và Trung Quốc với mức tăng trưởng tương đối cao (Biểu đồ 4). Mức tăng trưởng đột biến xuất hiện ở mặt hàng máy vi tính và sản phẩm điện tử và máy móc phụ tùng trên hầu hết các thị trường (lần lượt tăng 17.9% và 23.4% YoY). Chúng tôi đánh giá có thể do 2 nguyên nhân chính như sau: 1) nhu cầu sử dụng máy vi tính và laptop tăng cao do yêu cầu làm việc ở nhà từ các công ty; 2) Việt Nam tận dụng được cơ hội xuất khẩu máy móc và thiết bị y tế.

Kim ngạch nhập khẩu giảm 16.3% MoM và 11.8% YoY

— Nhập khẩu khu vực FDI và khu vực kinh tế trong nước đều có mức giảm gần như tương đồng (lần lượt là -12.7% và -10.6% YoY), trong đó sự sụt giảm mạnh chủ yếu từ các mặt hàng nguyên vật liệu đầu vào.

— Các mặt hàng phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng trong nước giảm rõ rệt do yêu cầu cách ly xã hội khiến nhu cầu tiêu thụ giảm mạnh như nông sản (rau quả -63.5%), thủy sản (-7.5%), nguyên phụ liệu thuốc lá (-28.5%).

— Đối với các mặt hàng nhập khẩu phục vụ sản xuất, ngoại trừ ngành dược tăng mạnh (dược phẩm và nguyên phụ liệu +23.8%), các mặt hàng khác như vải, nguyên phụ liệu dệt may, điện thoại đều có mức giảm trên 20%. Riêng máy vi tính và máy móc phụ tùng chỉ giảm nhẹ (lần lượt là -4.1% và -0.9% YoY).

Chúng tôi chưa kỳ vọng hoạt động xuất nhập khẩu sẽ hồi phục trong tháng 5, ngoại trừ một số ngành hàng thiết yếu như nông sản (gạo, hạt điều, cà phê), thủy sản khi nhu cầu tiêu dùng ở các đối tác xuất khẩu thương mại như Mỹ, EU vẫn đang ở mức thấp. Tuy nhiên, việc nới lỏng dần các yêu cầu giãn cách xã hội của các quốc gia này hy vọng là yếu tố hỗ trợ cho hoạt động thương mại trong các tháng tiếp theo.

15/05/2020

Chuyên viên phân tích Ngân hàng Tài chính
Nguyễn Thị Thu Huyền
huyenntt@kbsec.com.vn
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)
Harrison Kim
harrison.kim@kbf.com

Ngân hàng

Tín dụng tăng trưởng chậm lại trong nửa đầu tháng 5

Tín dụng tăng chậm trở lại trong hai tuần đầu tháng 5 tại Việt Nam sau COVID-19

- Ngân hàng Nhà nước mới đây cho biết tăng trưởng tín dụng tính đến giữa tháng 5 đạt mức 1.2%, cao hơn so với con số 0.8% tính đến giữa tháng 4. Tuy giảm nhẹ so với mức tăng trưởng tín dụng 1.4% của bốn tháng đầu năm, song chúng tôi kì vọng tăng trưởng tín dụng tính đến hết tháng 5 sẽ được cải thiện và cao hơn tháng trước, phản ánh sự phục hồi tăng trưởng tín dụng sau khi dịch COVID-19 đã được kiểm soát ở Việt Nam.
- Tỷ lệ tăng trưởng tín dụng so với đầu năm trong năm 2020 đang ghi nhận mức lần lượt là: 0.1% (Tháng 1), 0.2% (Tháng 2), 1.3% (Tháng 3) và 1.4% (Tháng 4) so với năm 2019: 1.9% (Tháng 1), 1.1% (Tháng 2), 3.1% (Tháng 3), 4.5% (Tháng 4) và 5.8% (Tháng 5). Với điều kiện tín dụng đang giảm chất lượng, tăng trưởng tín dụng nói chung tính đến hết Quý 1/2020 đã chậm lại, giảm 0.1% tại các ngân hàng quốc doanh niêm yết lớn (Vietcombank, Vietinbank, BIDV) so với 2.9% vào năm 2019 và 1.7% tại các ngân hàng cổ phần so với 8.5% vào năm ngoái.

Ngân hàng Nhà nước đã đệ trình yêu cầu Thủ tướng tăng hạn mức tín dụng

- Trong Hội nghị Thủ tướng với doanh nghiệp diễn ra sáng ngày 9 tháng 5, Ngân hàng Nhà nước đã thể hiện ý muốn điều chỉnh tăng hạn mức tín dụng cho các ngân hàng như là một phần của các biện pháp hỗ trợ kinh tế. Đề xuất này nhằm mục đích nới rộng hạn mức tín dụng lên so với chỉ tiêu đầu năm do dịch COVID-19. Các ngân hàng đáp ứng yêu cầu của Basel II có thể được cấp thêm hai đến ba phần trăm điểm tín dụng (2%-3%) trong Quý 3 cũng là mùa cao điểm cho tăng trưởng cho vay. Với những dấu hiệu sớm của sự phục hồi tăng trưởng tín dụng cộng với cơ hội mở rộng tín dụng, các ngân hàng có thể sẽ tăng tốc về lợi nhuận trong nửa cuối năm 2020.

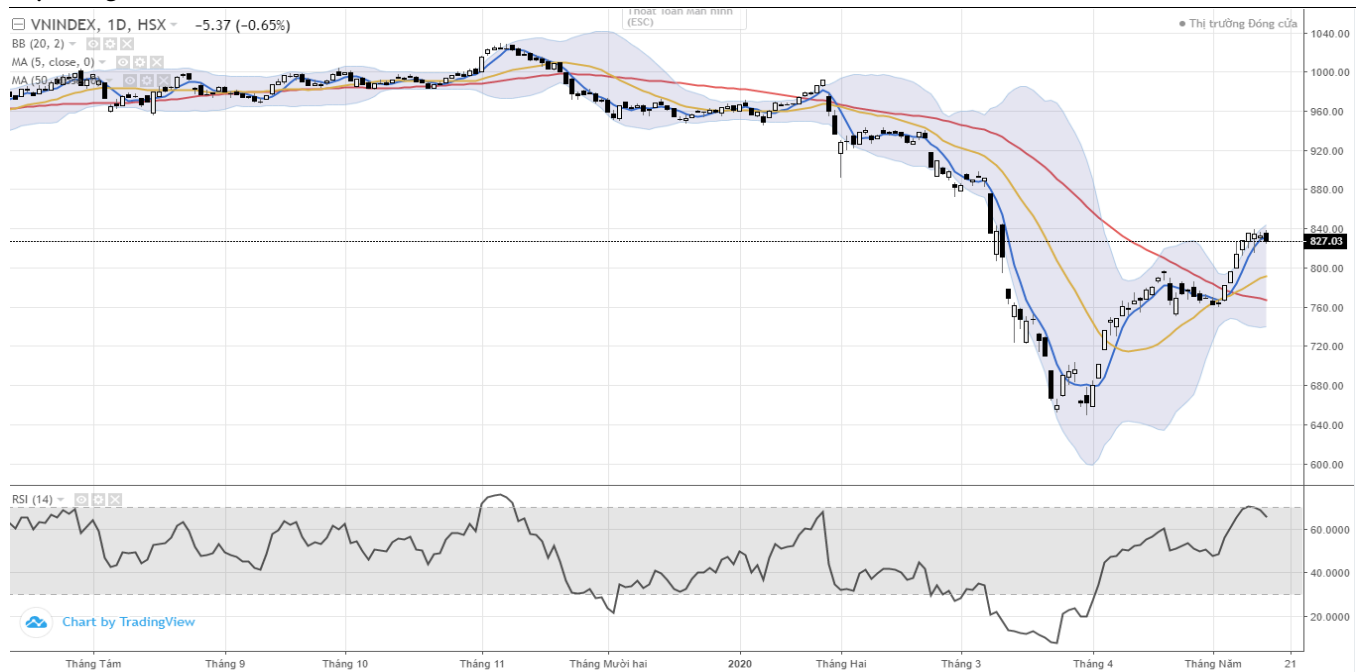
Tuy nhiên các ngân hàng vẫn cần thận trọng với môi trường cho vay

- Không chỉ lệnh cách xã hội được thực hiện trên phạm vi toàn quốc, sự suy giảm chất lượng trong tín dụng cũng đóng là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự suy giảm trong tăng trưởng tín dụng. Việc các ngân hàng mở rộng cho vay là điều kiện tiên quyết để đề xuất nới rộng tín dụng của Ngân hàng Nhà nước thực sự mang lại hiệu quả. Về vấn đề này, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có những biện pháp để theo dõi chặt chẽ hoạt động của ngành ngân hàng để bảo vệ chất lượng của hoạt động tín dụng cũng như giảm thiểu rủi ro khi các ngân hàng thực hiện cho vay quá mức, cụ thể thông qua tỷ lệ cho vay trên tiền gửi (LDR) và tỷ lệ huy động vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

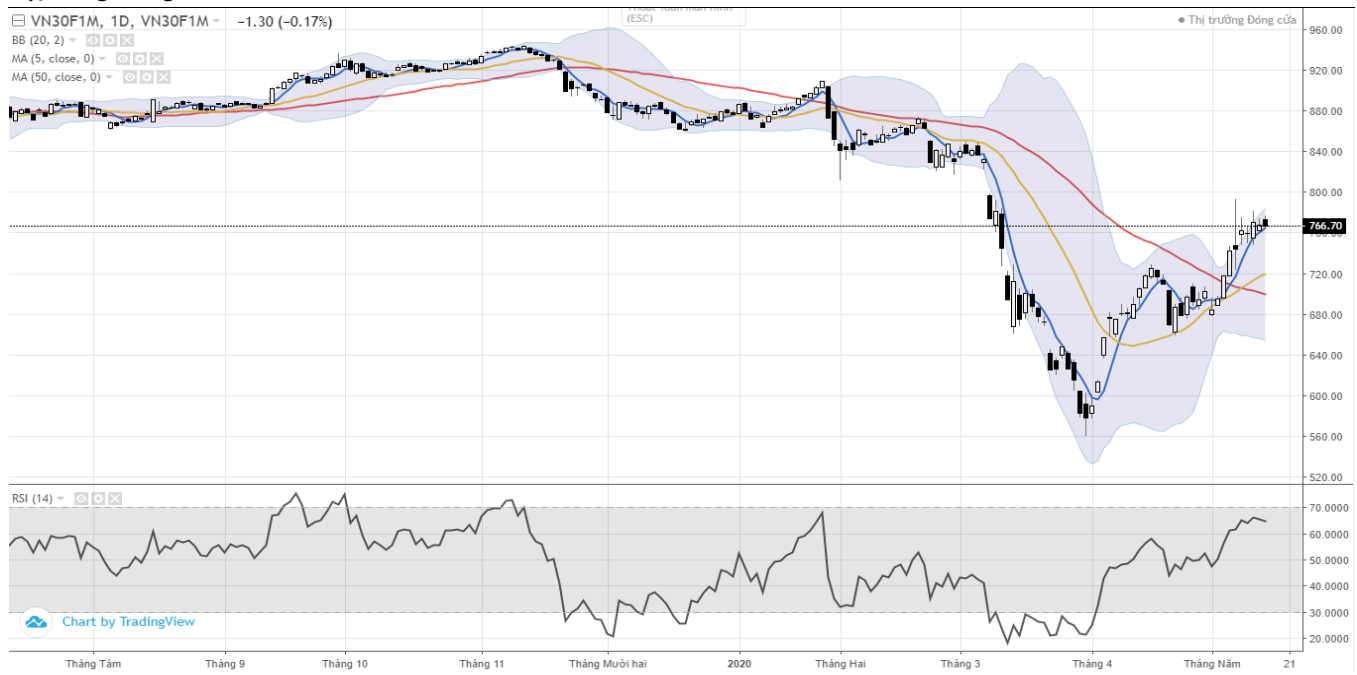
- VNIndex cho tín hiệu điều chỉnh rõ nét hơn phiên hôm qua tuy nhiên vẫn nằm trong phạm vi của nền mẹ với mẫu hình inside bar.
- Tầm ảnh hưởng của kênh kháng cự dài hạn đang tiếp tục gây sức ép điều chỉnh cho chỉ số sau 1 nhịp tăng mạnh. Chúng tôi cho rằng thị trường cần điều chỉnh mạnh hơn trước khi cho điểm mua ngắn hạn trở lại.
- NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi, chỉ mở lại một phần trạng thái ngắn hạn trong kịch bản thị trường điều chỉnh, quay xuống vùng hỗ trợ quanh 810.

Chỉ số VN30



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai - VN30F1M



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau 1 phiên giằng co, VN30 và F1 đã cho tín hiệu giảm điểm rõ nét hơn tuy nhiên vẫn nằm trong phạm vi của nền mẹ với mẫu hình inside bar.
- Xung lực hồi phục đã phần nào “hạ nhiệt” sau chuỗi tăng dốc vừa qua và điều này có thể khiến VN30 trải qua thêm các phiên điều chỉnh. Mặc dù vậy, rủi ro điều chỉnh trước mắt mới chỉ mang tính T+.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục ưu tiên mở vị thế Long khi VN30 quay xuống vùng hỗ trợ gần tại quanh 755, nơi tiếp xúc với kênh tăng điểm từ đáy tháng 3.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

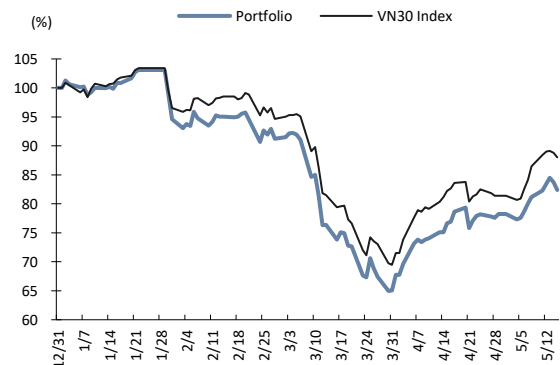
Khối Phân Tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VNIndex.
- Ngưỡng chốt lời tại +30% và cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.87%	-1.63%
Tăng lũy kế (YTD)	-11.96%	-17.63%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 15/05/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	82,100	-1.1%	-29.2%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	24,200	-2.0%	-9.7%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	62,000	-2.5%	-19.1%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	16,950	-2.0%	-14.1%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế hệ thống vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	31,400	-1.7%	-7.6%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	48,000	-1.4%	43.4%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	20,900	-2.1%	-14.3%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
Vietjet (VJC)	05/02/2019	114,000	0.0%	-11.8%	- Giá cổ phiếu sụt giảm mạnh do tác động ngắn hạn của dịch Corona - Hưởng lợi từ diễn biến sụt giảm sâu của giá dầu - Triển vọng dài hạn khả quan, kỳ vọng việc dự án Long Thành được đẩy nhanh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	23,500	-1.9%	0.2%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbaco City Development (KBC)	09/03/2020	12,850	-1.5%	-6.2%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
FUEVFNVD	2.7%	61.8%	264.9
VCB	0.0%	23.6%	79.4
VPB	0.9%	23.2%	21.5
MSN	-2.8%	36.1%	8.1
SAB	0.0%	63.3%	5.3

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PDR	0.0%	3.4%	-29.0
VNM	-2.0%	58.6%	-26.3
VRE	0.2%	31.1%	-22.8
DPM	-2.9%	14.2%	-19.7
GAS	-0.8%	3.3%	-15.7

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
LAS	-1.7%	1.8%	0.3
SLS	-2.5%	3.6%	0.2
HVT	0.0%	1.8%	0.2
PLC	1.2%	0.7%	0.2
SHE	0.0%	2.9%	0.1

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SHB	-9.9%	7.8%	-9.8
SHS	-3.2%	8.9%	-2.1
BVS	-1.1%	26.6%	-0.7
PVX	0.0%	0.6%	-0.6
NTP	-2.5%	18.5%	-0.3

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	5.2%	VCI, HCM
Hàng cá nhân & Gia dụng	4.5%	PNJ, LIX
Công nghệ thông tin	4.1%	FPT, SGT
Ngân hàng	3.3%	VCB, TCB
Thực phẩm và đồ uống	3.2%	VNM, HNG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Du lịch và Giải trí	-1.9%	VJC, RIC
Bán lẻ	-1.3%	MWG, BTT
Truyền thông	-0.4%	PNC, AAA
Bất động sản	-0.1%	VRE, VIC
Bảo hiểm	0.4%	PGI, BIC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tài nguyên Cơ bản	13.6%	HPG, HSG
Ô tô và phụ tùng	9.2%	TCH, SVC
Công nghệ thông tin	8.5%	FPT, ICT
Dầu khí	7.4%	PLX, PVD
Thực phẩm và đồ uống	7.4%	VNM, SAB

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-7.2%	PNC, AAA
Bảo hiểm	-0.1%	BIC, BVH
Du lịch và Giải trí	0.7%	VJC, TCT
Bán lẻ	0.9%	ABS, COM
Bất động sản	1.7%	VRE, VIC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,000	328,096 (14,047)	78,829 (3.4)	22.6	43.8	26.0	31.3	8.8	12.4	3.9	3.3	1.0	-0.5	1.0	-15.7
	VHM	VINHOMES JSC	71,600	235,529 (10,084)	132,136 (5.6)	35.3	8.7	7.3	35.4	38.6	32.5	2.8	2.0	1.4	1.0	5.6	-15.6
	VRE	VINCOM RETAIL JS	24,100	54,763 (2,345)	80,206 (3.4)	17.9	20.6	15.7	6.4	9.6	11.1	1.9	1.7	0.2	-4.7	-7.7	-29.1
	NVL	NO VA LAND INVES	52,600	50,998 (2,183)	55,202 (2.4)	32.4	17.4	18.5	-11.3	12.0	11.8	2.1	1.8	0.0	-2.4	1.3	-11.6
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	22,000	11,977 (513)	15,942 (0.7)	5.2	10.5	9.3	16.1	14.5	14.9	1.4	1.3	-4.1	3.0	6.5	-18.2
	DXG	DAT XANH GROUP	10,600	5,499 (235)	36,695 (1.6)	9.4	4.7	5.0	-8.7	14.3	13.9	0.7	0.7	-3.6	8.4	12.8	-26.9
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	76,000	281,875 (12,068)	116,897 (5.0)	6.4	16.4	13.6	14.5	21.0	20.8	2.9	2.5	0.0	3.4	7.2	-15.7
	BID	BANK FOR INVESTM	38,600	155,250 (6,647)	50,999 (2.2)	12.3	20.6	16.4	5.8	11.9	11.5	1.9	1.8	-2.8	1.6	3.5	-16.4
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	20,250	70,878 (3,035)	46,888 (2.0)	0.0	6.6	5.8	7.5	16.9	16.9	1.0	0.8	-1.2	7.1	15.4	-14.0
	CTG	VIETNAM JS COMM	20,900	77,819 (3,332)	131,444 (5.6)	0.4	9.6	7.9	23.8	11.6	12.7	0.9	0.9	-2.1	0.0	5.3	0.0
	VPB	VIETNAM PROSPERI	23,850	58,140 (2,489)	116,115 (5.0)	0.3	6.7	5.6	7.2	18.6	17.9	1.2	1.0	0.8	4.6	9.7	19.3
	MBB	MILITARY COMMERC	16,950	40,874 (1,750)	114,573 (4.9)	0.0	5.0	4.3	13.6	19.4	19.6	0.9	0.8	-2.0	2.1	3.7	-18.5
	HDB	HDBANK	22,850	22,071 (945)	33,884 (1.4)	8.9	6.1	5.1	13.8	20.6	20.2	1.0	0.8	-0.7	2.0	10.7	-17.1
	STB	SACOMBANK	9,800	17,676 (757)	92,046 (3.9)	14.5	8.0	6.3	31.8	8.8	10.0	0.6	0.5	-2.5	2.9	1.0	-2.5
	TPB	TIEN PHONG COMME	21,850	17,842 (764)	3,023 (0.1)	0.0	4.8	4.4	44.5	25.7	21.6	1.1	-	0.0	20.7	19.4	3.8
EIB	VIETNAM EXPORT-I	15,500	19,056 (816)	6,507 (0.3)	0.0	33.3	32.0	-6.9	3.6	3.6	1.2	1.1	1.0	1.6	2.3	-12.9	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	48,250	35,817 (1,533)	34,350 (1.5)	20.4	29.3	21.6	1.0	6.9	9.0	1.8	1.7	-2.9	0.7	-0.7	-29.7
	BMI	BAOMINH INSURANC	21,500	1,964 (084)	8,839 (0.4)	13.1	-	-	-	-	-	-	-	0.0	-4.0	16.8	-13.3
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	13,950	8,383 (359)	46,479 (2.0)	57.1	8.6	7.9	-11.9	10.5	10.6	-	-	-2.1	3.3	4.5	-10.3
	VCI	VIET CAPITAL SEC	23,050	3,787 (162)	12,974 (0.6)	69.0	-	-	-	14.1	-	-	-	1.5	17.3	26.0	-21.9
	HCM	HO CHI MINH CITY	18,400	5,617 (240)	37,940 (1.6)	45.7	10.8	6.4	-16.4	12.5	17.7	1.2	1.1	-0.8	6.7	12.2	-13.8
	VND	VNDIRECT SECURIT	11,950	2,492 (107)	11,894 (0.5)	12.5	-	-	-	8.6	-	-	-	-2.4	7.2	5.3	-17.0
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	110,800	192,945 (8,261)	187,019 (8.0)	41.4	19.5	18.0	4.0	37.9	38.1	6.6	6.0	-1.9	5.5	11.7	-4.9
	SAB	SAIGON BEER ALCO	172,200	110,429 (4,728)	20,230 (0.9)	36.7	24.1	20.3	7.5	24.3	26.5	5.4	4.9	0.0	0.1	12.5	-24.5
	MSN	MASAN GROUP CORP	62,100	72,592 (3,108)	83,331 (3.6)	12.9	27.7	20.0	-30.7	7.2	8.7	1.7	1.5	-2.8	1.8	2.0	9.9
	HNG	HOANG ANH GIA LA	14,400	15,963 (683)	6,883 (0.3)	48.7	-	-	-	-	-	-	-	3.6	11.6	12.5	3.6
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	114,000	59,718 (2,557)	46,136 (2.0)	11.3	14.1	11.9	-9.5	25.6	27.3	3.5	3.1	0.0	-5.0	2.9	-22.0
	GMD	GEMADEPT CORP	19,450	5,775 (247)	10,075 (0.4)	0.0	15.4	12.9	-54.8	6.9	8.0	1.0	1.0	-0.5	6.9	14.7	-16.5
	CII	HO CHI MINH CITY	20,300	4,848 (208)	22,577 (1.0)	24.6	11.2	10.1	133.4	9.3	9.6	1.0	1.0	-1.7	3.0	8.3	-9.8
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,430	1,947 (083)	40,198 (1.7)	46.7	-	-	-	-	-	-	-	-0.6	-3.1	14.3	-80.2
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	16,400	8,007 (343)	27,218 (1.2)	33.9	9.6	7.2	-12.1	9.6	15.5	1.1	1.1	0.0	6.1	2.5	-15.2
	CTD	COTECCONS CONSTR	67,000	5,112 (219)	22,948 (1.0)	2.5	9.1	9.0	-39.4	6.4	6.8	0.6	0.6	-2.9	2.3	18.2	30.6
	REE	REE	31,400	9,736 (417)	19,452 (0.8)	0.0	5.8	4.9	-2.8	14.9	15.6	0.8	0.7	-1.7	2.6	1.3	-13.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	70,900	135,699 (5,810)	60,181 (2.6)	45.7	16.3	14.0	-15.7	15.9	19.3	2.7	2.6	-0.8	1.9	6.5	-24.3
	NT2	PETROVIETNAM NHO	20,500	5,901 (253)	10,381 (0.4)	31.3	8.3	7.8	-2.9	16.9	18.4	1.4	1.4	-2.8	2.2	10.2	-5.3
	PPC	PHA LAI THERMAL	24,150	7,743 (331)	4,835 (0.2)	32.5	8.1	8.2	-10.4	16.0	15.6	1.2	1.2	-2.2	-2.2	-3.2	-10.2
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	23,500	64,885 (2,778)	189,071 (8.1)	12.2	7.9	6.2	-3.3	16.9	18.5	1.2	1.0	-1.9	0.4	16.9	0.0
	DPM	PETROVIETNAM FER	13,650	5,342 (229)	43,261 (1.8)	34.8	9.7	9.1	-4.9	7.9	7.8	0.7	0.7	-2.8	-1.1	-3.5	5.4
	DCM	PETRO CA MAU FER	8,300	4,394 (188)	16,817 (0.7)	47.1	10.2	22.6	-14.7	7.8	3.5	0.7	0.7	-2.9	4.0	26.5	27.7
	HSG	HOA SEN GROUP	8,850	3,933 (168)	66,475 (2.8)	31.9	10.0	7.5	0.0	7.0	8.5	0.6	0.6	-2.3	13.3	43.8	19.0
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,300	2,106 (090)	32,720 (1.4)	36.4	5.3	9.0	51.8	14.8	9.0	0.6	0.5	-1.2	2.1	6.5	-3.1
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	44,500	52,991 (2,269)	60,800 (2.6)	6.8	14.1	12.7	6.8	17.0	19.8	2.5	2.2	-2.4	1.6	11.5	-20.5
	PVD	PETROVIETNAM DRI	10,450	4,401 (188)	65,420 (2.8)	36.5	33.9	16.3	-7.6	0.9	1.5	0.3	0.3	1.0	7.8	10.3	-30.6
	PVT	PETROVIET TRANSP	10,750	3,025 (130)	24,655 (1.1)	23.7	6.5	5.7	-17.0	10.3	11.2	0.6	0.6	-1.4	5.9	19.2	-36.0
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	82,100	37,176 (1,592)	118,399 (5.1)	0.0	9.1	7.3	16.0	29.9	30.7	2.4	1.8	-1.1	-2.0	6.9	-28.0
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	62,000	13,962 (598)	60,887 (2.6)	0.0	13.4	11.2	6.3	23.6	23.1	2.6	2.2	-2.5	6.5	4.7	-27.9
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	54,800	1,617 (069)	1,862 (0.1)	68.8	23.0	16.8	-28.1	6.7	8.5	1.5	1.4	-0.2	-0.2	6.2	48.1
	FRT	FPT DIGITAL RETA	21,600	1,706 (073)	20,384 (0.9)	10.4	11.3	10.4	-33.4	11.1	10.6	1.1	0.9	-4.0	5.4	39.8	2.6
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	44,000	5,962 (255)	58,025 (2.5)	40.2	5.5	5.1	30.3	38.0	35.0	2.0	1.6	-1.1	-0.3	3.0	15.2
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	92,100	12,042 (516)	2,570 (0.1)	45.7	18.8	17.4	4.1	19.5	19.2	3.4	3.2	0.1	-4.1	4.5	0.7
	PME	PYMEPHARCO JSC	63,000	4,726 (202)	1,381 (0.1)	37.9	-	-	-	-	-	-	-	0.0	2.3	5.7	16.0
IT	FPT	FPT CORP	48,000	37,628 (1,611)	118,230 (5.1)	0.0	11.5	9.9	16.2	24.1	25.0	2.5	2.2	-1.4	2.8	10.2	-5.3

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình

binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Vĩ mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh

anhdt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Vĩ mô – Thái Thị Việt Trinh

trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng

tungla@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu

hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng

tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga

ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Lê Thành Công

congt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ngân hàng Tài chính – Nguyễn Thị Thu Huyền

huyenntt@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim

harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung

dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh

danhnt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh

vinhn@kbsec.com.vn

Bộ phận Marketing Research

Chuyên viên Marketing Hàn Quốc – Seon Yeong Shin

shin.sy@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.